TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 68/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/11/2019
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liêng Thị Hồng Hoa
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Long
2. Ông Nguyễn Thanh Hải

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đinh Thanh Thảo, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 222/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp Ly hôn, nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 124/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông **Trần Minh H**, sinh năm 1987, nơi cư trú: ấp X, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh – Có mặt.

Bị đơn: bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1988, nơi cư trú: ấp L, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn – ông Trần Minh H trình bày: ông và bà Nguyễn Thị T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào năm 2011. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2012 vợ chồng bất đồng ý kiến trong công việc làm ăn, sinh hoạt gia đình, không tin tưởng lẫn nhau, vợ chồng không hạnh phúc và đã ly thân. Ông yêu cầu ly hôn bà T. Ông và bà T có một người con chung là Trần Minh Th (nam) sinh ngày 16/02/2011, ông yêu cầu nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trần Minh H và bà Nguyễn Thị T xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 82, quyển số 01 ngày 01/7/2011 là hôn nhân hợp pháp. Ngày 04/4/2018 ông H yêu cầu ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại huyện P, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án tại nơi cư trú của bà T để thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 30/8/2019, ngày 30/9/2019 nhưng bà T không đến tham dự nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã hoãn phiên tòa ngày 29/10/2019 do bị đơn không đến, vì vậy, ngày 29/11/2019 bị đơn vắng mặt lần thứ hai, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Theo ông H trình bày giữa ông và bà T xảy ra nhiều mâu thuẫn, không còn tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau nên ly thân từ năm 2012 đến nay. Xét thời gian ly thân đã lâu nhưng ông H, bà T không khắc phục được mâu thuẫn cho thấy quan hệ vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì quan hệ hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên nên yêu cầu ly hôn của ông H là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung, ông H và bà T có một người con chung là Trần Minh Th (nam) sinh ngày 16/02/2011, hiện đang sống chung với ông H và cháu Th cũng có nguyện vọng ở với cha nên Hội đồng xét xử giao con chung cho ông H nuôi dưỡng. Nguyên đơn không yêu cầu tiền cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung, nợ chung, nguyên đơn trình bày không có, bị đơn không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Minh H với bà Nguyễn Thị T.

- *Về con chung:* giao Trần Minh Th (nam) sinh ngày 16/02/2011 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà T, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* không đặt ra xem xét.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: ông H nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số 001303 ngày 25/7/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Liêng Thị Hồng Hoa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. P ;
- THA H. P;
- UBND xã M;
- Lưu HS (2b).